



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Đại học chính quy - Đợt 1-Tháng 03/2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng
Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HĐHV, ngày 08/08/2022 của Chủ tịch Hội đồng
Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/9/2014 của Giám đốc
Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học
chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học
viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn,
chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 27 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng xét tốt
nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp 41 (Bốn mươi một) bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh,
29 (Hai mươi chín) bằng Kỹ sư Quản lý hoạt động bay, 10 (Mười) bằng Kỹ sư Công
nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, 11 (Mười một) bằng Kỹ sư Kỹ thuật Hàng không
cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Đại học chính quy Đợt 1-Tháng 03/2023 (Theo
danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn
vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi
hành quyết định này.

Nơi nhận:

-Như điều 2;

-Lưu VT,ĐT



TS:Nguyễn Thanh Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - ĐỢT 01-Tháng 03/2023**

(Đính kèm quyết định số: 274/QĐ-HVHKVN ngày 27/03/2023)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1753020073	Phạm Bá Thiên	Phú	27/02/1998	17ĐHĐT02	2.63	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
2	1853020008	Đinh Phước Gia	Hiền	07/09/2000	18ĐHĐT01	2.84	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
3	1853020012	Phạm Thành	Hưng	20/01/2000	18ĐHĐT01	2.55	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
4	1853020005	Dương Hoàng	Phương	07/04/2000	18ĐHĐT01	2.41	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
5	1853020011	Hồ Thiện	Tài	25/04/2000	18ĐHĐT01	2.47	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
6	1853020010	Nguyễn Trung	Thành	14/11/2000	18ĐHĐT01	2.78	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
7	1853020030	Trần Tuấn	Trung	24/09/2000	18ĐHĐT01	3.2	Giỏi	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
8	1853020045	Nguyễn Ngọc Vỹ	Khôi	10/02/2000	18ĐHĐT02	2.7	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
9	1653020035	Lê Việt	Bắc	25/09/1998	ĐV1-K10	2.32	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
10	1653020031	Nguyễn Lê Hoài	Trâm	28/09/1995	ĐV1-K10	2.61	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
11	1751200013	Nguyễn Toàn	Năng	24/06/1998	17ĐHKT01	2.66	Khá	Kỹ thuật Hàng không
12	1751200041	Lê Thanh	Tiến	12/07/1999	17ĐHKT01	2.8	Khá	Kỹ thuật Hàng không
13	1851200023	Nguyễn Văn	Dũng	25/10/2000	18ĐHKT01	3.53	Khá	Kỹ thuật Hàng không
14	1851200028	Bùi Đoàn Quang	Duy	17/09/2000	18ĐHKT01	3.46	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
15	1851200030	Nguyễn Đình	Khôi	18/08/2000	18ĐHKT01	2.99	Khá	Kỹ thuật Hàng không
16	1851200008	Nguyễn Thành	Long	12/08/2000	18ĐHKT01	2.81	Khá	Kỹ thuật Hàng không



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
17	1851200044	Ủ Cao Kỳ	Long	07/10/2000	18ĐHKT01	3.48	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
18	1851200040	Phan Như	Mộng	01/11/2000	18ĐHKT01	3.06	Khá	Kỹ thuật Hàng không
19	1851200005	Hoàng Bá	Nam	28/08/2000	18ĐHKT01	2.91	Khá	Kỹ thuật Hàng không
20	1851200043	Nguyễn Trọng	Nhân	28/08/2000	18ĐHKT01	2.92	Khá	Kỹ thuật Hàng không
21	1851200032	Phạm Thành	Phú	03/10/2000	18ĐHKT01	3.63	Xuất sắc	Kỹ thuật Hàng không
22	1756060049	Nguyễn Trọng	Sỹ	17/12/1999	17ĐHKL01	3.29	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
23	1856060013	Phùng Minh	Anh	25/01/2000	18ĐHKL01	3.43	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
24	1856060023	Phạm Gia	Bảo	01/08/2000	18ĐHKL01	3.14	Khá	Quản lý hoạt động bay
25	1856060041	Lữ Thị Trân	Châu	14/05/2000	18ĐHKL01	3.4	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
26	1856060002	Nguyễn Doãn Bảo	Châu	08/02/2000	18ĐHKL01	3.69	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
27	1856060029	Trần Phi	Cơ	13/11/2000	18ĐHKL01	3.42	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
28	1856060034	Châu Kim	Dung	05/03/2000	18ĐHKL01	3.9	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
29	1856060032	Nguyễn Trường	Duy	27/09/2000	18ĐHKL01	3.73	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
30	1856060035	Đỗ Thái	Hà	08/06/2000	18ĐHKL01	3.26	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
31	1856060046	Nguyễn Đình	Hiếu	12/01/2000	18ĐHKL01	3.8	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
32	1856060021	Lê Mỹ	Hoàng	09/07/2000	18ĐHKL01	3.58	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
33	1856060027	Trần Thị Thu	Hương	26/03/2000	18ĐHKL01	3.4	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
34	1856060009	Vũ Khánh	Huyền	03/12/2000	18ĐHKL01	3.33	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
35	1856060010	Phan Tại	Lộc	13/10/2000	18ĐHKL01	3.31	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
36	1856060003	Nguyễn Trà	My	03/08/2000	18ĐHKL01	3.8	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
37	1856060036	Huỳnh Thị Thúy	Ngân	22/03/2000	18ĐHKL01	3.68	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
38	1856060017	Huỳnh	Nguyễn	03/10/2000	18ĐHKL01	3.62	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
39	1856060026	Chương Kim	Phong	23/08/2000	18ĐHKL01	3.54	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
40	1856060033	Quách Ngọc Lan	Quyên	09/08/2000	18ĐHKL01	3.74	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
41	1856060018	Nguyễn Thị Nhật	Quỳnh	27/01/2000	18ĐHKL01	3.69	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
42	1856060019	Sử Ngọc Minh	Sang	19/06/2000	18ĐHKL01	3.56	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
43	1856060048	Nguyễn Minh	Thư	24/03/2000	18ĐHKL01	3.28	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
44	1856060045	Nguyễn Duy	Thượng	02/05/2000	18ĐHKL01	3.37	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
45	1856060044	Trần Thị Thu	Trâm	04/10/2000	18ĐHKL01	3.55	Giỏi	Quản lý hoạt động bay

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
46	1856060028	Lê Nguyễn Trung	Trúc	19/06/2000	18ĐHKL01	3.63	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
47	1856060016	Quyền Hồng	Vân	18/09/2000	18ĐHKL01	3.34	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
48	1856060012	Trần Đắc Minh	Việt	06/04/2000	18ĐHKL01	3.4	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
49	1856060030	Lò Hà	Vy	20/09/2000	18ĐHKL01	3.61	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
50	1856060037	Đoàn Thị Thanh	Hiền	10/06/1999	18ĐHKL01	3.32	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
51	1751010169	Phan Thị Hồng	Trúc	21/11/1999	17ĐHQTDL	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh
52	1751010362	Nguyễn Thị Kim	Anh	24/06/1999	17ĐHQTVT4	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh
53	1751010352	Trần Thanh	Tuyền	26/08/1999	17ĐHQTVT4	2.46	Trung bình	Quản trị kinh doanh
54	1751010068	Hoàng Châu Ngọc	Hà	05/01/1999	17ĐHQTVT5	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
55	1751010058	Trần Thảo Hà	My	23/01/1999	17ĐHQTVT5	2.31	Trung bình	Quản trị kinh doanh
56	1751010425	Trần Thị Thương	Trang	22/06/1999	17ĐHQTVT5	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh
57	1851010104	Đỗ Như Quốc	An	30/09/2000	18ĐHQTC1	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh
58	1851010177	Võ Đức Quang	Huy	02/10/2000	18ĐHQTC1	3.18	Khá	Quản trị kinh doanh
59	1851010089	Phan Hoài	Linh	29/10/2000	18ĐHQTC1	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh
60	1851010145	Trần Sơn	Tùng	12/10/2000	18ĐHQTC1	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
61	1851010246	Nguyễn Thị Diệu	Quyên	20/03/2000	18ĐHQTC2	2.8	Khá	Quản trị kinh doanh
62	1851010187	Tạ Ngọc Minh	Anh	06/06/2000	18ĐHQTDL	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh
63	1851010355	Trần Thị Kim	Ngân	20/07/2000	18ĐHQTDL	2.5	Khá	Quản trị kinh doanh
64	1851010357	Đặng Thị Thu	Hiền	21/10/2000	18ĐHQTVT1	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
65	1851010003	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	27/03/2000	18ĐHQTVT1	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh
66	1851010136	Trần Ngọc	Dũng	12/08/2000	18ĐHQTVT2	2.8	Khá	Quản trị kinh doanh
67	1851010114	Nguyễn Thái Linh	San	18/05/2000	18ĐHQTVT2	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh
68	1851010222	Nguyễn Ngọc Hoài	Anh	04/10/2000	18ĐHQTVT3	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh
69	1851010188	Dương Thị	Hoa	23/04/2000	18ĐHQTVT3	3.1	Khá	Quản trị kinh doanh
70	1851010240	Đỗ Thị Thúy	Ngọc	21/10/2000	18ĐHQTVT3	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh
71	1851010105	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/09/2000	18ĐHQTVT3	2.87	Khá	Quản trị kinh doanh
72	1851010107	Đồng Thủy Long	Thủy	18/10/2000	18ĐHQTVT3	3.31	Giỏi	Quản trị kinh doanh
73	1851010324	Nguyễn Thị	Nga	12/01/2000	18ĐHQTVT4	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh
74	1851010326	Triệu Mẫn	Nhi	05/01/2000	18ĐHQTVT4	2.5	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
75	1851010363	Hà Nguyễn Bảo	Trần	01/02/2000	18ĐHQTVT4	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh
76	1651010260	Văn Thị Cẩm	Hà	08/03/1998	QTDL1-K10	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh
77	1551010206	Cao Thị Thanh	Nhàn	01/01/1997	QTDL1-K9	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
78	1651010032	Lê Thị	Trang	08/03/1997	QTKDCHK-K10	3.13	Khá	Quản trị kinh doanh
79	1551010134	Nguyễn Thị Lan	Anh	22/11/1997	QTKDTH-K9	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh
80	1551010133	Trần Thị Minh	Yến	09/03/1997	QTKDTH-K9	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh
81	1551010121	Hoàng Thị Kim	Anh	04/01/1997	QTKDVTHK1-K9	2.8	Khá	Quản trị kinh doanh
82	1651010249	Huỳnh Ái	Đình	24/09/1998	QTKDVTHK2-K10	2.37	Trung bình	Quản trị kinh doanh
83	1651010323	Võ Lê Diệu	Hằng	28/11/1998	QTKDVTHK2-K10	2.3	Trung bình	Quản trị kinh doanh
84	1651010294	Nguyễn Thị Yến	Linh	10/08/1998	QTKDVTHK2-K10	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh
85	1651010384	Phạm An	Định	22/10/1998	QTKDVTHK3-K10	2.11	Trung bình	Quản trị kinh doanh
86	1651010348	Lê Thị Thùy	Trang	08/08/1998	QTKDVTHK3-K10	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh
87	1551010485	Nguyễn Đông	Phương	23/08/1997	QTKDVTHK3-K9	2.49	Trung bình	Quản trị kinh doanh
88	1551010392	Nguyễn Ngọc	Trâm	10/12/1997	QTKDVTHK3-K9	2.45	Trung bình	Quản trị kinh doanh
89	1651010514	Phạm Tuấn	Dũng	31/05/1998	QTKDVTHK4-K10	2.04	Trung bình	Quản trị kinh doanh
90	1651010534	Võ Tuyết	Huệ	02/11/1998	QTKDVTHK4-K10	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh
91	1551010501	Vũ Thị Thùy	Trang	06/08/1997	QTKDVTHK4-K9	2.31	Trung bình	Quản trị kinh doanh

Tổng cộng danh sách này có **91** sinh viên được công nhận tốt nghiệp.